TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẨM GIÀNG** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 12/2019/HNGĐ -ST
Ngày 02 tháng 5 năm 2019
" V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM GIÀNG - TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Vũ Thị My.

Các Hội thẩm nhân dân:

1.Ông Dương Văn Ngạn ;

2. Bà Trần Thị Khanh.

- Thư ký phiên toà: Ông Mai Công Đức - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Huyên - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện Cẩm Giàng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 35/2019/TLST- HN&GĐ ngày 15 tháng 02 năm 2019 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con " theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2019/QĐXXST- HNGĐ, ngày 25 tháng 3 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 02/QĐST- HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2019 và Quyết định thay đổi người tiến hành tố tụng số 02/2019/QĐ - CA ngày 11 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Vũ Thị M, sinh năm 1992, có mặt.

ĐKHKTT: Thôn PH, xã CH , huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

Đia chỉ: Thôn TL, xã TL , huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Đình T, sinh năm 1988, vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn PH, xã CH , huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

- Người làm chứng:

+ Ông Vũ Ngọc T, sinh năm 1952, vắng mặt.

Địa chỉ: Xóm Đình Giác, thôn TL, xã TL , huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

+ Bà Nguyễn Thị T, vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn PH, xã CH , huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện đề ngày 12 tháng 02 năm 2019 và quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn là chị Vũ Thị M trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Vũ Thị M và anh Nguyễn Đình T tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (viết tắt UBND) xã CH , huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương vào ngày 27/3/2013, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại gia đình anh T thuộc thôn Phượng Hoàng, xã CH , huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương. Vợ chồng chung sống được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T hay đi làm xa, ít quan tâm đến đình, khiến tình cảm vợ chồng lạnh nhạt và ngày càng xa cách, mâu thuẫn vợ chồng trở lên trầm trọng vào năm 2017 do chị phát hiện anh T không chung thủy, có biểu hiện tình cảm với người phụ nữ khác, chị và gia đình đã khuyên bảo nhưng anh T không thay đổi, anh T không quan tâm đến gia đình, một mình chị phải lo toan kinh tế gia đình, chị khuyên anh T về làm gần nhà để ổn định và vợ chồng có điều kiện tập trung kinh tế nhưng anh T không nghe, đi làm không đưa tiền cho chị để nuôi con. Giữa năm 2018, chị M xin phép gia đình chồng về sinh sống cùng bố mẹ đẻ tại xã TL , khi chị về quê sinh sống, anh T đã đến gia đình bố mẹ đẻ chị xin lỗi và hứa sữa chữa đón chị về đoàn tụ, nhưng thực tế anh T không sửa chữa nên chị không về đoàn tụ cùng anh T. Vì điều kiện công việc chị làm công ty, bố mẹ đẻ chị không có điều kiện chăm sóc con giúp chị nên chị phải nhờ bố mẹ chồng trông nom chăm sóc con, tuy nhiên cuối năm 2018 mẹ chồng chị thông báo con bị ốm nên chị phải quay về nhà chồng để chăm sóc con, mặc dù về nhà chồng nhưng vợ chồng không sống cùng, hiện tại chị đang sinh sống cùng bố mẹ đẻ tại thôn Thạch Lỗi, xã TL , huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương. Chị và anh T không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay, xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên chị M xin ly hôn anh T.

- *Về quan hệ con chung*: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thị Bích N , sinh ngày 19/4/2014, từ nhỏ đến nay chị M đều phải nhờ bố mẹ anh T chăm sóc giúp vì chị phải đi làm công nhân thường xuyên phải làm ca đêm không có nhiều

thời gian, hơn nữa hiện nay gia đình bố mẹ đẻ chị M rất khó khăn nên chị không thể trực tiếp nuôi con mà tự nguyện để cho anh T tiếp tục trực tiếp nuôi con, chị tự nguyện cấp dưỡng cho con số tiền 2.000.000đ/ tháng.

- Về quan hệ tài sản, công sức, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn (anh T) trình bày:

- Anh T không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án, Tòa án đã tiến hành giao các văn bản của Tòa án cho anh T nhận đầy đủ, đó là nhờ mẹ đẻ anh T và niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật.

Ngày 12/3/2019 và ngày 19/3/2019 anh T trao đổi điện thoại với Tòa án, anh T xác nhận đã nhận đầy đủ các văn bản của Tòa án giao cho anh như thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải…nhưng anh không đến làm việc với Tòa án do anh đồng ý ly hôn, không muốn ảnh hưởng đến con. Vì tính chất công việc nên anh không trực tiếp đến trình bày tại Tòa án. Hiện tại số điện thoại 0975461256 của anh T đã đăng ký chính chủ, nếu Tòa án cần trao đổi thông tin gì cứ liên lạc với anh qua điện thoại anh sẽ cung cấp đầy đủ cho Tòa án. Anh T cho biết hiện anh đang làm việc ở Hà Nội và Hưng Yên anh đi làm theo công trình không cố định một nơi nên không có địa chỉ cụ thể để cung cấp cho Tòa án. Anh T có về gia đình tại Phượng Hoàng, Cẩm Hoàng, Cẩm Giàng, Hải Dương vào các buổi tối, ngày chủ nhật, nghỉ lễ... đề nghị Tòa án gửi tài liệu cho bố mẹ anh là ông Nguyễn Đình Đ và bà Nguyễn Thị T nhận giúp. Trường hợp chị M cương quyết xin ly hôn đề nghị Tòa án căn cứ các quy định của pháp luật để giải quyết.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung, anh T và con đang sống cùng nhà với bố mẹ đẻ anh là ông Nguyễn Đình Đ và bà Nguyễn Thị T tại thôn Phượng Hoàng, xã CH , huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương, anh T đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ, công sức chung: Anh T không yêu cầu giải quyết.

Xác minh tại UBND xã CH , huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương cung cấp: Chị Vũ Thị M và anh Nguyễn Đình T thực hiện việc đăng ký kết hôn tại UBND xã CH vào ngày 27/3/2013, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại gia đình ông Đi, bà Toan ở thôn Phượng Hoàng, xã CH . Mặc dù vợ chồng không báo cáo với chính

quyền, đoàn thể về mâu thuẫn, tuy nhiên qua nắm bắt tại cơ sở được biết chị M đã nhiều lần bỏ gia đình chồng về nhà bố mẹ đẻ tại xã TL , huyện Cẩm Giàng sinh sống. Anh T thường xuyên vắng nhà, thỉnh thoảng có về gia đình vào các buổi tối hoặc ngày chủ nhật, ngày lễ.. địa phương không nắm được địa chỉ cụ thể nơi làm việc của anh T Nay, chị M xin ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Con chung của chị M và anh T từ nhỏ ở cùng anh T đều do ông Đi và bà Toan (ông bà nội của cháu) giúp đỡ chăm sóc đưa đón đi học. Vì vậy, khi giải quyết việc ly hôn Tòa án giao con chung cho ai trực tiếp nuôi dưỡng cần đảm bảo tốt nhất quyền lợi cho cháu.

Mẹ đẻ anh T là bà Nguyễn Thị T và bố đẻ chị M là ông Vũ Ngọc T đều trình bày: chị M và anh T tự nguyện kết hôn vào năm 2013, đăng ký kết hôn tại UBND xã CH , huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại gia đình bà Toan. Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do chị M không khéo léo trong cách cư xử dẫn đến vợ chồng to tiếng cãi nhau, chị M xúc phạm anh T do vợ chồng bất đồng quan điểm trong việc xây dựng kinh tế, vợ chồng không tin tưởng và luôn nghi ngờ lẫn nhau. Chị M đã nhiều lần bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, anh T thường xuyên đi làm xa thỉnh thoảng có về vào ngày nghỉ lễ, tết hoặc buổi tối rồi lại đi ngay nên ít có thời gian quan tâm đến vợ, con. Nay chị M xin ly hôn, bà Toan, ông Thường đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thị Bích N , sinh ngày 19/4/2014. Anh T thường xuyên vắng nhà, chị M làm công nhân thỉnh thoảng phải làm ca đêm nên từ nhỏ đến nay đều do bà Toan, ông Đi chăm sóc giúp, cháu phát triển tốt, gia đình bà Toan có điều kiện tốt hơn gia đình ông Thường, đề nghị Tòa án giao con cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, bà Toan cam đoan có đủ điều kiện hỗ trợ cho anh T trong việc nuôi con tốt nhất.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn (chị M) giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn (anh T) vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

Đại diện VKSND huyện Cẩm Giàng phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, HĐXX, Thư ký cơ bản đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật, tuy nhiên thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu không đảm bảo theo quy định tại khoản 2 Điều 220 BLTTDS (Ngày 02/4/2019, Tòa án chuyển hồ sơ cho VKS nhận, đến ngày 11/4/2019 tiến hành xét xử).

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS. Bị đơn không thực hiện nghĩa vụ phải có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, vi phạm khoản 16 Điều 70 BLTTDS

* Hướng giải quyết vụ án:

Đề nghị áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị xử:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị M ly hôn anh Nguyễn Đình T.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Bích N, sinh ngày 19/4/2014 cho anh T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chấp nhận sự tự nguyện của chị M cấp dưỡng tiền nuôi con chung 2.000.000 đồng/tháng đến khi con thành niên.

Về án phí: Chị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là anh Nguyễn Đình T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Vì vậy, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng (viết tắt BLTTDS).

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị M và anh Nguyễn Đình T tự nguyện kết hôn, có đăng ký tại UBND xã CH , huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương ngày 27/3/2013 là hôn nhân hợp pháp. Nguyên nhân vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng không cùng nhau chăm lo xây dựng hạnh phúc gia đình, không tin tưởng lẫn nhau, không thống nhất với nhau trong việc xây dựng kinh tế, thường xuyên to tiếng cãi nhau. Anh T luôn vắng nhà, không quan tâm đến gia đình. Chị M không khéo léo trong cách cư xử với chồng và gia đình, đã nhiều năm vợ chồng không quan tâm đến nhau, mỗi người tự lo cuộc sống riêng. Anh T không nhất trí ly hôn, nhưng khi Tòa án tiến hành hòa giải, anh T không có mặt, không có biện pháp khắc phục mâu thuẫn vợ chồng. Hội đồng xét xử (viết tắt HĐXX) nhận thấy hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn

nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị My.

[3].Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thị Bích N , sinh ngày 19/4/2014, hiện cháu Ngọc đang sống cùng anh T và bố mẹ anh Thụy, từ nhỏ đến nay đều do bố mẹ anh T giúp đỡ chăm sóc, cháu đã quen sống cùng ông bà nội. Chị M làm công nhân, thường xuyên phải đi làm ca đêm, bố mẹ đẻ chị M sức khỏe yếu, khó khăn về chỗ ở không thể giúp đỡ chị M trong việc chăm sóc con khi chị M đi làm. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con nhằm ổn định, tránh xáo trộn, HĐXX cần giao cho anh T tiếp tục trực tiếp nuôi con.

[4]. Về cấp dưỡng: Chị Vũ Thị M tự nguyện cấp dưỡng cho con số tiền 2.000.000đ/ tháng, sự tự nguyện của chị M phù hợp pháp luật, HĐXX chấp nhận.

[5]. Về tài sản chung, nợ, công sức chung: Đương sự không yêu cầu nên không phải giải quyết.

[6].Về án phí: Chị Vũ Thị M phải chịu toàn bộ án phí sơ thẩm Hôn nhân gia đình và án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 2 Điều 227; Điều 228 BLTTDS. Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015. Nghị quyết số 326//2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị M ly hôn anh Nguyễn Đình T.

2. Về nuôi con: Giao cho anh Nguyễn Đình T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Thị Bích N , sinh ngày 19/4/2014 cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi).

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về cấp dưỡng: Chấp nhận sự tự nguyện của chị Vũ Thị M cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Nguyễn Đình T số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/ tháng, kể từ tháng 5 năm 2019 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi), cấp dưỡng theo tháng.

Kể từ ngày người được thi hành án làm đơn đề nghị thi hành án mà người phải thi hành án chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về tài sản chung, nợ, công sức chung: Không phải giải quyết.

5.Về án phí: Chị Vũ Thị M phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai số AA/2017/0003304 ngày 15/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Giàng, chị M đã thực hiện xong nghĩa vụ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chị M còn phải nộp số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) cấp dưỡng nuôi con.

6. Về quyền kháng cáo: Chị M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thi hành theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Cẩm Giàng;
- UBND xã CH , huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Chi cục THADS huyện Cẩm Giàng;
- Lưu hồ sơ vụ án; Văn phòng TAND huyện Cẩm Giàng..

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA